TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/DS - PT
Ngày 18 - 7 - 2023
V/v "Tranh chấp đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Chí Thiện

Các Thẩm phán: Ông Đặng Phi Long

Ông Chu Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thu Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Quỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 18/7/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2023/TLPT-DS ngày 25/4/2023 về *"Tranh chấp đòi lại tài sản".* Do bản án dân sự số 04/2023/DS-ST ngày 20/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐ-PT ngày 06/6/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2023/QĐ-PT ngày 22/6/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phùng Thị O - Sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số nhà 173, đường Q, tổ 45, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phùng Thị O: Ông Nguyễn Văn Đ - Địa chỉ: Tổ 27, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị L.

Địa chỉ: Số nhà A2-07, đường C, tổ 36, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị L: Ông Phạm Văn C - Địa chỉ: P102-P10 phố T, phường Q, quận Đ, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Khắc H.

Địa chỉ: Số nhà 173, đường Q, tổ 45, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Khắc H: Ông Nguyễn Văn Đ - Địa chỉ: Tổ 27, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Lê Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Phùng Thị O, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Ngày 30/8/2018 vợ chồng bà O và ông H nhận chuyển nhượng của bà L1 và ông H quyền sử dụng 95m^2 đất ở đô thị, trên đất có xây dựng căn nhà cấp III, 3,5 tầng, diện tích xây dựng 83m^2, tổng diện tích sàn 380m^2. Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất được Ủy ban nhân dân (Viết tắt: UBND) thành phố L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Viết tắt: GCNQSDĐ) mang tên bà Lê Thị L1, địa chỉ tại số A2-07, đường D3-kè Sông Hồng, phường C (nay là đường C, tổ 36, phường K), thành phố L, tỉnh Lào Cai, với giá chuyển nhượng là 5.000.000.000 đồng *(Năm tỷ đồng)*. Việc thanh toán khoản tiền nhận chuyển nhượng được ông H chuyển vào tài khoản của bà L1 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần S theo chứng từ giao dịch ngày 29/08/2018 số tiền 4.300.000.000 đồng *(Bốn tỷ ba trăm triệu đồng)*. Ngoài ra bà O giao cho bà L là em gái bà L1 số tiền 700.000.000 đồng *(Bảy trăm triệu đồng)* để chuyển lại cho bà L1 và bà L1 đã nhận đã đủ số tiền 5.000.000.000 đồng *(Năm tỷ đồng)*. Các bên đã lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất và thực hiện các thủ tục chuyển nhượng theo đúng quy định của pháp luật đất đai. Bà O và ông H đã đăng ký biến động sang tên quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố L vào ngày 11/09/2018.

Khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thì bà L là em gái của bà L1 đang ở tại căn nhà số A2-07, đường C, tổ 36, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Do mối quan hệ thân thiết với bà O nên bà L có ý kiến xin ở nhờ trong thời gian 01 tháng sẽ bàn giao nhà, hết thời hạn 01 tháng bà L có trao đổi do chưa có chỗ ở nên xin ở lại, khi nào có nhu cầu lấy nhà thì bà L sẽ trả lại. Do chưa có nhu cầu sử dụng nhà nên bà O và ông H đồng ý. Đến cuối năm 2021, do số tiền nhận chuyển nhượng nhà và đất bà O và ông H phải vay ngân hàng, phải chịu lãi suất đối với số tiền vay, bà O và ông H muốn bán căn nhà để trả nợ ngân hàng, nên đã yêu cầu bà L trả lại căn nhà số A2-07, đường C, tổ 36, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai, nhưng bà L không trả.

Nay bà O khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc bà L phải trả lại cho bà O và ông H quyền sử dụng 95m^2 đất ở tại đô thị và quyền sở hữu căn nhà cấp III, 3,5 tầng, diện tích xây dựng 83m^2 tại số nhà A2- 07, đường C, tổ 36, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Bị đơn bà Lê Thị L trình bày:

Bà L hiện đang sử dụng đất và căn nhà cấp III, 3,5 tầng, diện tích xây dựng 83m^2 tại số nhà A2 - 07 đường C, tổ 36, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vì lý do khách quan nên khi mua nhà và đất này bà L đã nhờ chị gái là bà L1 đứng tên hộ trên GCNQSDĐ. Do cần tiền để phục vụ cho việc kinh doanh nên bà L có nhờ bà L1 ký các thủ tục thế chấp quyền sử dụng đất và căn nhà cấp III, 3,5 tầng, tại số nhà A2 - 07 đường C, tổ 36, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai để vay số tiền 4.000.000.000đồng *(Bốn tỷ đồng)* tại Ngân hàng S chi nhánh Lào Cai. Khi bà O biết việc bà L đang thế chấp nhà đất tại Ngân hàng để vay tiền nên bà O có đề xuất là để bà trả tiền vay ngân hàng, lấy GCNQSDĐ tại Ngân hàng ra thế chấp cho Oanh thì bà O sẽ cho bà L vay số tiền nhiều hơn. Theo đó, ngày 30/8/2018, bà O có đưa cho bà L số tiền 4.300.000.000 đồng *(Bốn tỷ ba trăm triệu đồng)* để bà L đưa cho bà L1 tất toán số tiền đã vay tại ngân hàng SHB chi nhánh Lào Cai, cùng với đó bà O cho bà L vay thêm số tiền 700.000.000 đồng *(Bảy trăm triệu đồng)*. Tổng cộng số tiền bà O cho bà L vay là 5.000.000.000 đồng *(Năm tỷ đồng)*. Tuy nhiên do việc làm ăn không được suôn sẻ dẫn đến việc bà L chưa trả được cho bà O số tiền 5.000.000.000 đồng *(Năm tỷ đồng)*, bà L đang cố gắng phục hồi công việc kinh doanh để để trả lại số tiền đã vay cho bà O và lấy lại tài sản đã thế chấp cho bà O là quyền sử dụng đất và căn nhà cấp III, 3,5 tầng, diện tích xây dựng 83m^2 tại số nhà A2-07 đường C, tổ 36, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Đây là thỏa thuận vay tiền không phải chuyển nhượng nhà đất. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Khắc H, Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất căn nhà cấp III, 3,5 tầng, tại số nhà A2-07, đường C, tổ 36, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai giữa vợ chồng ông H, bà O và bà L1, ông H vào ngày 30/8/2018 là có thật. Khi nhận chuyển nhượng các bên đã thực hiện các thủ tục theo quy định, sang tên quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà mang tên ông H và bà O từ năm 2018 không có tranh chấp. Hiện nay nhà và đất này ông H và bà O đang thế chấp tại Ngân hàng để vay tiền. Do bà L là bạn thân thiết với bà O nên ông H và bà O cho ở nhờ trên nhà, đất từ đó đến năm 2021. Khi có ý định chuyển nhượng nhà đất thì ông H, bà O đã yêu cầu trả lại nhà nhưng bà L không trả. Do đó, ông H nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà O, đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà L phải trả lại cho ông H và bà O quyền sử dụng 95m^2 đất ở tại đô thị và quyền sở hữu căn nhà cấp III, 3,5 tầng, diện tích xây dựng 83m^2 tại số nhà A2- 07, đường C, tổ 36, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 20/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 147; khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 164, Điều 166 Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phùng Thị O.

Buộc bà L phải có nghĩa vụ trả lại cho bà O và ông H quyền sử dụng 95m^2 đất ở đô thị và quyền sở hữu căn nhà cấp III, 3,5 tầng, diện tích xây dựng 83m^2, tổng diện tích sàn 380m^2 tại số nhà A2- 07, đường D3 - kè Sông Hồng, phường C (nay là đường C, tổ 36, phường K), thành phố L, tỉnh Lào Cai. Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà đã được UBND thành phố L cấp GCNQSDĐ số BO 546474 ngày 01/11/2013. Văn phòng đăng ký đất đai thành phố L đã đăng ký biến động mang tên ông Nguyễn Khắc H và bà Phùng Thị O ngày 11/9/2018.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 31/3/2023, Bị đơn bà L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 20/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phùng Thị O và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Khắc H là ông Nguyễn Văn Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không nhất trí với kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị L, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị L.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Lê Thị L thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy bản án sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 20/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố L và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bác toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị L, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 20/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai, tuyên án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị L có đầy đủ nội dung, nộp đúng thời hạn theo quy định của pháp luật, là căn cứ để để Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị L:

[2.1] Xét Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa bên chuyển nhượng bà L1, ông H với bên nhận chuyển nhượng bà O, ông H (Gọi tắt: Hợp đồng chuyển nhượng) ngày 30/8/2018.

Hợp đồng chuyển nhượng ngày 30/8/2018 được lập thành văn bản, công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Lào Cai. Chủ thể tham gia giao kết hợp đồng gồm bên chuyển nhượng bà L1, ông H và bên nhận chuyển nhượng bà O, ông H. Thời điểm giao kết hợp đồng các bên đều có đủ năng lực hành vi dân sự, việc ký kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, đe dọa. Đối tượng của hợp đồng là quyền sử dụng diện tích đất ở tại đô thị 95m^2 và quyền sở hữu căn nhà cấp III, 3,5 tầng, diện tích xây dựng 83m^2 gắn liền với đất, địa chỉ tại: Số nhà A2-07, đường C, tổ 36, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Quyền sử dụng đất và sở hữu nhà gắn liền với đất đã được UBND thành phố L cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (GCNQSDĐ) số BO 546474 do UBND thành phố L cấp ngày 01/11/2013 cho bà Lê Thị L1. Do đó, Hợp đồng chuyển nhượng ngày 30/8/2018 là đảm bảo quy định về hình thức, chủ thể giao kết hợp đồng tự nguyện, đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, diện tích đất chuyển nhượng đã được cấp GCNQSDĐ, không có tranh chấp, không bị kê biên để đảm bảo thi hành án. Sau khi xác lập hợp đồng, bà O và ông H cũng đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố L xác nhận về việc nhận chuyển nhượng ngày 14/9/2019.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà L cho rằng quyền sử dụng đất và nhà ở gắn liền với đất tại địa chỉ: Số nhà A2-07, đường C, tổ 36, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai là tài sản của bà nhưng nhờ bà L1 là chị gái ruột đứng tên hộ trên GCNQSDĐ. Tòa án đã lấy lời khai của người làm chứng bà L1 và ông H cũng trình bày về việc tài sản này thực chất là của bà L, bà L1 đứng tên hộ, do giữa bà L và bà L1 có quan hệ ruột thịt nên không làm giấy tờ gì mà chỉ thỏa thuận miệng. Tuy nhiên, cũng theo Biên bản lấy lời khai ngày 22/12/2022 (BL118-121) và hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho bà L1 thì tài sản tranh chấp có nguồn gốc là bà L1 trực tiếp tham gia và trúng đấu giá, sau đó ký hợp đồng mua bán nhà với Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Lào Cai, làm các thủ tục để được cấp GCNQSDĐ. Bị đơn bà L cũng như người làm chứng bà L1 đều không cung cấp được chứng cứ chứng minh về việc tài sản thực chất là của bà L, quá trình đấu giá, ký hợp đồng mua bán nhà và làm thủ tục cấp GCNQSDĐ đều do bà L1 thực hiện. Hơn nữa, bà L1 và ông H đều trình bày về việc tài sản thực chất là của bà L, trước khi chuyển nhượng ông bà ký hợp đồng ủy quyền cho bà L đi giao dịch vay tiền của Ngân hàng nhưng việc vay bao nhiêu tiền và trả tiền hàng tháng do bà L thực hiện nên khi ký hợp đồng chuyển nhượng nhà và đất cũng do bà L quyết định, bà L1 và ông H chỉ ký hợp đồng và hoàn thiện hồ sơ chuyển nhượng

cho bà O, ông H. Như vậy, trường hợp tài sản thực chất là của bà L nhưng khi thực hiện chuyển nhượng cho bà O, ông H thì bà L cũng biết rõ và cũng đã người định đoạt, quyết định việc chuyển nhượng.

Đối với việc bà L cho rằng giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho bà O, ông H là không có thật, thực tế giữa bà O và bà L có thỏa thuận vay tiền. Cụ thể do bà L có vay Ngân hàng số tiền 4.000.000.000 đồng *(Bốn tỷ đồng)* nên ngày 30/8/2018 bà O đã đã cho bà L số tiền 4.300.000.000 đồng *(Bốn tỷ ba trăm triệu đồng)* để tất toán số tiền đã vay tại ngân hàng và cho bà L vay thêm số tiền 700.000.000đồng *(Bảy trăm triệu đồng)*. Để đảm bảo khoản vay bà L đã thế chấp quyền sử dụng đất và nhà gắn liền với tại địa chỉ: Số nhà A2-07, đường C, tổ 36, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai cho bà O. Tuy nhiên, bà L không cung cấp được chứng cứ chứng minh quan hệ vay tiền với bà O cũng như việc thế chấp tài sản để đảm bảo khoản vay và việc ký hợp đồng chuyển nhượng chỉ là hình thức để đảm bảo khoản vay.

[2.2] Từ những phân tích trên thấy rằng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 30/8/2018 giữa bên chuyển nhượng bà L1, ông H với bên nhận chuyển nhượng bà O, ông H là hợp pháp và đã phát sinh hiệu lực theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà L không cung cấp được chứng cứ chứng minh giao dịch chuyển nhượng này là giả tạo, nhằm che giấu giao dịch vay tiền giữa bà L với bà O. Do đó, có đủ căn cứ xác định chủ sử dụng, sở hữu hợp pháp đối với tài sản quyền sử dụng đất và nhà ở tại địa chỉ: Số nhà A2- 07, đường C, tổ 36, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai là của bà O, ông H. Sau khi nhận chuyển nhượng nhà và đất, bà O và ông H có thỏa thuận về việc cho bà L mượn nhà, đất để ở nhà. Tuy thỏa thuận cho mượn nhà, đất để ở nhà không có văn bản nhưng theo như những phân tích ở trên xác định bà O và ông H có quyền sử dụng, quyền sở hữu hợp pháp đối với nhà và đất nên ông, bà có quyền định đoạt việc cho mượn, cho thuê. Tại thời điểm khởi kiện bà O và ông H vẫn có quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản hợp pháp nên có quyền đòi lại tài sản cho mượn, cho ở nhờ theo quy định tại Điều 166, Điều 499 Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 117, Điều 154 Luật Nhà ở 2014. Vì vậy, việc bà L quản lý, sử dụng tài sản này là không có căn cứ pháp luật, xâm phạm quyền lợi ích hợp pháp của bà O, ông H. Như vậy, thấy rằng Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà O là có căn cứ.

[3] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, bà L không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh nội dung kháng cáo của mình là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà L, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo không được chấp nhận, Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo bà Lê Thị L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị L. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 20/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận bà Lê Thị L đã nộp số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu AC-22P, số 0000188 ngày 10/4/2023 của Chi cục Thi hành dân sự thành phố L, tỉnh Lào Cai. Bà Lê Thị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Lào Cai (2);*
- *TAND TP.Lào Cai;*
- *Chi cục THADS TP.Lào Cai;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu VT, HSVA.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Chí Thiện